

Mã đề: 801

Phần I: Trắc nghiệm (7 điểm):

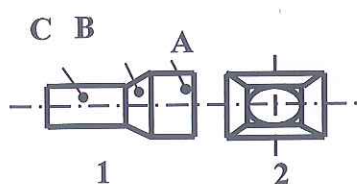
A. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (6 điểm):

Viết lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra: (mỗi câu hỏi chỉ chọn một đáp án.)

Câu 1. Diện tích khổ giấy A0 gấp mấy lần diện tích khổ giấy A3?

- A. 2 lần. B. 16 lần. C. 8 lần. D. 4 lần.

Câu 2. Cho hình 1, 2 em hãy xác định: Hình 1,2 là hình chiếu gì?



- A. Hình 1 là hình chiếu đứng, hình 2 là hình chiếu cạnh.
B. Hình 1 là hình chiếu cạnh, hình 2 là hình chiếu đứng.
C. Hình 1 là hình chiếu bằng, hình 2 là hình chiếu đứng.
D. Hình 1 là hình chiếu bằng, hình 2 là hình chiếu cạnh.

Câu 3. Tỷ lệ thu nhỏ là tỷ lệ:

- A. 10 : 1. B. 1 : 2. C. 5 : 1. D. 1 : 1.

Câu 4. Khi đọc bản vẽ nhà, sau khi đọc nội dung ghi trong khung tên ta cần làm gì ở bước tiếp theo?

- A. Phân tích kích thước của ngôi nhà. B. Xác định kích thước của ngôi nhà.
C. Phân tích hình biểu diễn. D. Xác định các bộ phận của ngôi nhà.

Câu 5. Thép có tỷ lệ cacbon là:

- A. $\leq 2,14\%$. B. $< 2,14\%$. C. $\geq 2,14\%$. D. $> 2,14\%$.

Câu 6. Vật liệu nào làm từ kim loại?

- A. Khung xe đạp. B. Vỏ bút bi. C. Áo mưa. D. Thước nhựa.

Câu 7. Trong quy trình đọc bản vẽ chi tiết, khi đọc phần yêu cầu kỹ thuật cần đọc nội dung nào?

- A. Yêu cầu về gia công, xử lý bề mặt. B. Tên gọi các hình chiếu.
C. Kích thước các bộ phận. D. Tên gọi chi tiết, vật liệu chế tạo.

Câu 8. Phần nào trong bản vẽ thể hiện đầy đủ hình dạng của chi tiết?

- A. Khung tên. B. Yêu cầu kỹ thuật. C. Kích thước. D. Hình biểu diễn.

Câu 9. Trong các kim loại dưới đây, kim loại nào là kim loại đen?

- A. Nhôm. B. Đồng. C. Kẽm. D. Gang.

Câu 10. Phần tổng hợp trong trình tự đọc bản vẽ lắp gồm những nội dung nào?

- A. Tên sản phẩm, tỷ lệ bản vẽ, nơi thiết kế.
B. Các hình chiếu, hình cắt.
C. Tên gọi các chi tiết, số lượng, vật liệu.

D. Trình tự tháo, lắp chi tiết.

Câu 11. Tìm hiểu số lượng, vật liệu của một chi tiết trong bản vẽ lắp ở đâu?

A. Khung tên.

B. Phân tích chi tiết.

C. Tổng hợp.

D. Bảng kê.

Câu 12. Vật liệu kim loại gồm:

A. cao su, chất dẻo nhiệt rắn, đồng.

B. thép, gang, cao su, chất dẻo.

C. đồng, nhôm, chất dẻo, cao su.

D. thép, gang, đồng, nhôm.

Câu 13. Đường gióng và đường kích thước được biểu diễn như thế nào?

A. Trùng nhau.

B. Chéo nhau.

C. Song song nhau.

D. Vuông góc nhau.

Câu 14. Tính theo mm, khổ giấy A2 có kích thước là

A. 594×420 .

B. 297×210 .

C. 297×420 .

D. 594×841 .

Câu 15. Hình nào biểu diễn các bộ phận và kích thước của ngôi nhà theo chiều cao?

A. Mặt bằng.

B. Mặt đứng.

C. Mặt cắt.

D. Mặt nào cũng biểu diễn.

Câu 16. Trình tự đọc bản vẽ lắp là:

A. hình biểu diễn $\rightarrow$ khung tên $\rightarrow$ bảng kê $\rightarrow$ kích thước $\rightarrow$ phân tích chi tiết $\rightarrow$ tổng hợp.

B. khung tên $\rightarrow$ bảng kê $\rightarrow$ kích thước $\rightarrow$ hình biểu diễn $\rightarrow$ phân tích chi tiết $\rightarrow$ tổng hợp.

C. khung tên $\rightarrow$ kích thước $\rightarrow$ bảng kê $\rightarrow$ hình biểu diễn $\rightarrow$ phân tích chi tiết $\rightarrow$ tổng hợp.

D. khung tên $\rightarrow$ bảng kê $\rightarrow$ hình biểu diễn $\rightarrow$ kích thước $\rightarrow$ phân tích chi tiết $\rightarrow$ tổng hợp.

Câu 17. Phương án nào sau đây chỉ ra vai trò của bản vẽ lắp trong quá trình thiết kế và sản xuất?

A. Chỉ định vị trí các chi tiết trong không gian 3D của sản phẩm

B. Mô phỏng quá trình vận hành của sản phẩm sau khi hoàn thiện.

C. Thực hiện kiểm tra chất lượng của từng chi tiết trong sản phẩm.

D. Tổ chức quá trình lắp ráp, kiểm tra và sử dụng sản phẩm.

Câu 18. Vật liệu thường được làm dây dẫn điện là:

A. nhôm, đồng.

B. đồng, thép, gang.

C. thép, gang, nhôm.

D. inox, nhôm, gang.

Câu 19. Bản vẽ chi tiết thuộc loại nào?

A. Bản vẽ xây dựng.

B. Bản vẽ cơ khí.

C. Bản vẽ lắp.

D. Bản vẽ nhà

Câu 20. Để phân biệt được gang và thép thì cần dựa vào yếu tố nào?

A. Tỷ lệ nhôm.

B. Tỷ lệ carbon.

C. Tỷ lệ kẽm.

D. Tỷ lệ đồng.

Câu 21. Tên gọi các hình biểu diễn của bản vẽ nhà?

A. Hình chiếu đứng, hình chiếu bằng, hình chiếu cạnh.

B. Mặt chính diện, mặt thẳng vuông góc, mặt cắt.

C. Mặt đứng, mặt bằng, mặt cắt.

D. Hình chính diện, hình chiếu ngang, hình chiếu cạnh.

Câu 22. Vật liệu phi kim loại là

A. thép, chất dẻo, nhôm.

B. chất dẻo, cao su, gốm, thủy tinh.

C. chất dẻo, thủy tinh, sắt.

D. gang, cao su, gốm, sứ.

Câu 23. Bản vẽ lắp không có nội dung nào sau đây?

A. Kích thước.

B. Yêu cầu kỹ thuật.

C. Khung tên.

D. Hình biểu diễn.

Câu 24. Đầu không phải tính chất của kim loại màu?

A. Có tính chống mài mòn.

B. Dễ kéo dài, dễ dát mỏng.

C. Dẫn điện tốt.

D. Cách nhiệt tốt.

B. Trắc nghiệm đúng, sai (1 điểm): Trong mỗi ý A,B,C,D học sinh chọn “Đúng” hoặc “Sai” và viết lại vào giấy kiểm tra.

Câu 25. Trên bản vẽ kỹ thuật:

A. hình chiếu bằng nằm ở dưới hình chiếu đứng.

B. tỉ lệ giữ nguyên là 1:1.

C. trên bản vẽ kỹ thuật, các kích thước được biểu diễn bằng đơn vị cm (xăng – ti – mét).

D. mặt phẳng hình chiếu đứng là mặt phẳng nằm ngang.

Phần II: Tự luận (3 điểm):

Câu 1(2 điểm): Em hãy trình bày đặc điểm và ứng dụng của vật liệu thép, gang, đồng và hợp kim của đồng?

Câu 2(1 điểm): Em hãy nêu trình tự đọc và nội dung cần hiểu của bản vẽ chi tiết?

--- Hết ---

Mã đề: 802

Phần I: Trắc nghiệm (7 điểm):

A. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (6 điểm):

Viết lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra: (mỗi câu hỏi chỉ chọn một đáp án.)

Câu 1. Vật liệu nào làm từ kim loại?

- A. Thuốc nhựa. B. Khung xe đạp. C. Vỏ bút bi. D. Áo mưa.

Câu 2. Trình tự đọc bản vẽ lắp là:

- A. hình biểu diễn → khung tên → bảng kê → kích thước → phân tích chi tiết → tổng hợp.
B. khung tên → bảng kê → kích thước → hình biểu diễn → phân tích chi tiết → tổng hợp.
C. khung tên → kích thước → bảng kê → hình biểu diễn → phân tích chi tiết → tổng hợp.
D. khung tên → bảng kê → hình biểu diễn → kích thước → phân tích chi tiết → tổng hợp.

Câu 3. Tên gọi các hình biểu diễn của bản vẽ nhà?

- A. Mặt chính diện, mặt thẳng vuông góc, mặt cắt.
B. Hình chiếu đứng, hình chiếu bằng, hình chiếu cạnh.
C. Mặt đứng, mặt bằng, mặt cắt.
D. Hình chính diện, hình chiếu ngang, hình chiếu cạnh.

Câu 4. Vật liệu thường được làm dây dẫn điện là:

- A. nhôm, đồng. B. đồng, thép, gang. C. thép, gang, nhôm. D. inox, nhôm, gang.

Câu 5. Đường giống và đường kích thước được biểu diễn như thế nào?

- A. Song song nhau. B. Chéo nhau. C. Trùng nhau. D. Vuông góc nhau.

Câu 6. Phần tổng hợp trong trình tự đọc bản vẽ lắp gồm những nội dung nào?

- A. Trình tự tháo, lắp chi tiết.
B. Tên gọi các chi tiết, số lượng, vật liệu.
C. Tên sản phẩm, tỉ lệ bản vẽ, nơi thiết kế.
D. Các hình chiếu, hình cắt.

Câu 7. Tỉ lệ thu nhỏ là tỉ lệ:

- A. 10 : 1. B. 1 : 2. C. 5 : 1. D. 1 : 1.

Câu 8. Phần nào trong bản vẽ thể hiện đầy đủ hình dạng của chi tiết?

- A. Yêu cầu kỹ thuật. B. Hình biểu diễn. C. Kích thước. D. Khung tên.

Câu 9. Vật liệu kim loại gồm:

- A. đồng, nhôm, chất dẻo, cao su. B. thép, gang, đồng, nhôm.
C. thép, gang, cao su, chất dẻo. D. cao su, chất dẻo nhiệt rắn, đồng.

Câu 10. Trong các kim loại dưới đây, kim loại nào là kim loại đen?

- A. Đồng. B. Nhôm. C. Kẽm. D. Gang.

Câu 11. Thép có tỉ lệ cacbon là:

- A. $\leq 2,14\%$. B. $< 2,14\%$. C. $\geq 2,14\%$. D. $> 2,14\%$.

Câu 12. Bản vẽ chi tiết thuộc loại nào?

- A. Bản vẽ nhà B. Bản vẽ cơ khí. C. Bản vẽ xây dựng. D. Bản vẽ lắp.

Câu 13. Vật liệu phi kim loại là

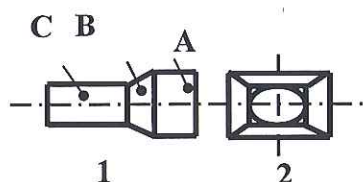
- A. chất dẻo, cao su, gốm, thủy tinh.
C. thép, chất dẻo, nhôm.

- B. gang, cao su, gốm, sứ.
D. chất dẻo, thủy tinh, sắt.

Câu 14. Phương án nào sau đây chỉ ra vai trò của bản vẽ lắp trong quá trình thiết kế và sản xuất?

- A. Thực hiện kiểm tra chất lượng của từng chi tiết trong sản phẩm.
B. Chỉ định vị trí các chi tiết trong không gian 3D của sản phẩm
C. Tổ chức quá trình lắp ráp, kiểm tra và sử dụng sản phẩm.
D. Mô phỏng quá trình vận hành của sản phẩm sau khi hoàn thiện.

Câu 15. Cho hình 1, 2 em hãy xác định: Hình 1,2 là hình chiếu gì?



- A. Hình 1 là hình chiếu bằng, hình 2 là hình chiếu cạnh.
B. Hình 1 là hình chiếu cạnh, hình 2 là hình chiếu đứng.
C. Hình 1 là hình chiếu đứng, hình 2 là hình chiếu cạnh.
D. Hình 1 là hình chiếu bằng, hình 2 là hình chiếu đứng.

Câu 16. Bản vẽ lắp không có nội dung nào sau đây?

- A. Khung tên. B. Yêu cầu kỹ thuật. C. Kích thước. D. Hình biểu diễn.

Câu 17. Đầu không phải tính chất của kim loại màu?

- A. Dễ kéo dài, dễ dát mỏng. B. Có tính chống mài mòn.
C. Dẫn điện tốt. D. Cách nhiệt tốt.

Câu 18. Trong quy trình đọc bản vẽ chi tiết, khi đọc phần yêu cầu kỹ thuật cần đọc nội dung nào?

- A. Yêu cầu về gia công, xử lý bề mặt. B. Tên gọi chi tiết, vật liệu chế tạo.
C. Kích thước các bộ phận. D. Tên gọi các hình chiếu.

Câu 19. Tính theo mm, khổ giấy A2 có kích thước là

- A. 297×210 . B. 594×420 . C. 297×420 . D. 594×841 .

Câu 20. Khi đọc bản vẽ nhà, sau khi đọc nội dung ghi trong khung tên ta cần làm gì ở bước tiếp theo?

- A. Phân tích kích thước của ngôi nhà. B. Phân tích hình biểu diễn.
C. Xác định kích thước của ngôi nhà. D. Xác định các bộ phận của ngôi nhà.

Câu 21. Hình nào biểu diễn các bộ phận và kích thước của ngôi nhà theo chiều cao?

- A. Mặt cắt. B. Mặt nào cũng biểu diễn.
C. Mặt đứng. D. Mặt bằng.

Câu 22. Tìm hiểu số lượng, vật liệu của một chi tiết trong bản vẽ lắp ở đâu?

- A. Tổng hợp. B. Bảng kê.
C. Khung tên. D. Phân tích chi tiết.

Câu 23. Để phân biệt được gang và thép thì cần dựa vào yếu tố nào?

- A. Tỷ lệ carbon. B. Tỷ lệ đồng. C. Tỷ lệ kẽm. D. Tỷ lệ nhôm.

Câu 24. Diện tích khổ giấy A0 gấp mấy lần diện tích khổ giấy A3?

- A. 8 lần. B. 2 lần. C. 4 lần. D. 16 lần.

B. Trắc nghiệm đúng, sai (1 điểm): Trong mỗi ý A,B,C,D học sinh chọn “Đúng” hoặc “Sai” và viết lại vào giấy kiểm tra.

Câu 25. Các nét vẽ trong bản vẽ kỹ thuật:

- A. nét liền đậm dùng để biểu diễn đường bao thấy, cạnh thấy.
- B. nét gạch dài - chấm - mảnh biểu diễn đường bao khuất, cạnh khuất.
- C. nét liền mảnh biểu diễn đường tâm, đường trục.
- D. nét đứt mảnh biểu diễn đường kích thước, đường gióng.

Phần II: Tự luận (3 điểm):

Câu 1(2 điểm): Em hãy trình bày đặc điểm và ứng dụng của vật liệu chất dẻo nhiệt, chất dẻo nhiệt rắn và cao su?

Câu 2(1 điểm): Em hãy nêu trình tự đọc và nội dung cần hiểu của bản vẽ lắp?

---- Hết ----

Mã đề: 803

Phần I: Trắc nghiệm (7 điểm):

A. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (6 điểm):

Viết lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra: (mỗi câu hỏi chỉ chọn một đáp án.)

Câu 1. Vật liệu nào làm từ kim loại?

- A. Áo mưa. B. Khung xe đạp. C. Vỏ bút bi. D. Thước nhựa.

Câu 2. Đường gióng và đường kích thước được biểu diễn như thế nào?

- A. Chéo nhau. B. Vuông góc nhau. C. Song song nhau. D. Trùng nhau.

Câu 3. Khi đọc bản vẽ nhà, sau khi đọc nội dung ghi trong khung tên ta cần làm gì ở bước tiếp theo?

- A. Xác định kích thước của ngôi nhà. B. Phân tích kích thước của ngôi nhà.
C. Phân tích hình biểu diễn. D. Xác định các bộ phận của ngôi nhà.

Câu 4. Đâu không phải tính chất của kim loại màu?

- A. Có tính chống mài mòn. B. Cách nhiệt tốt.
C. Dễ kéo dài, dễ dát mỏng. D. Dẫn điện tốt.

Câu 5. Tìm hiểu số lượng, vật liệu của một chi tiết trong bản vẽ lắp ở đâu?

- A. Tổng hợp. B. Phân tích chi tiết.
C. Khung tên. D. Bảng kê.

Câu 6. Trình tự đọc bản vẽ lắp là:

- A. hình biểu diễn → khung tên → bảng kê → kích thước → phân tích chi tiết → tổng hợp.
B. khung tên → kích thước → bảng kê → hình biểu diễn → phân tích chi tiết → tổng hợp.
C. khung tên → bảng kê → hình biểu diễn → kích thước → phân tích chi tiết → tổng hợp.
D. khung tên → bảng kê → kích thước → hình biểu diễn → phân tích chi tiết → tổng hợp.

Câu 7. Hình nào biểu diễn các bộ phận và kích thước của ngôi nhà theo chiều cao?

- A. Mặt cắt. B. Mặt nào cũng biểu diễn.
C. Mặt bằng. D. Mặt đứng.

Câu 8. Tên gọi các hình biểu diễn của bản vẽ nhà?

- A. Hình chính diện, hình chiếu ngang, hình chiếu cạnh.
B. Mặt chính diện, mặt thẳng vuông góc, mặt cắt.
C. Mặt đứng, mặt bằng, mặt cắt.
D. Hình chiếu đứng, hình chiếu bằng, hình chiếu cạnh.

Câu 9. Để phân biệt được gang và thép thì cần dựa vào yếu tố nào?

- A. Tỷ lệ carbon. B. Tỷ lệ kẽm. C. Tỷ lệ đồng. D. Tỷ lệ nhôm.

Câu 10. Vật liệu kim loại gồm:

- A. đồng, nhôm, chất dẻo, cao su. B. thép, gang, cao su, chất dẻo.
C. cao su, chất dẻo nhiệt rắn, đồng. D. thép, gang, đồng, nhôm.

Câu 11. Bản vẽ chi tiết thuộc loại nào?

- A. Bản vẽ cơ khí. B. Bản vẽ lắp. C. Bản vẽ xây dựng. D. Bản vẽ nhà

Câu 12. Phần nào trong bản vẽ thể hiện đầy đủ hình dạng của chi tiết?

- A. Khung tên. B. Hình biểu diễn. C. Kích thước. D. Yêu cầu kỹ thuật.

Câu 13. Vật liệu thường được làm dây dẫn điện là:

- A. thép, gang, nhôm. B. inox, nhôm, gang. C. đồng, thép, gang. D. nhôm, đồng.

Câu 14. Trong các kim loại dưới đây, kim loại nào là kim loại đen?

- A. Kẽm. B. Nhôm. C. Gang. D. Đồng.

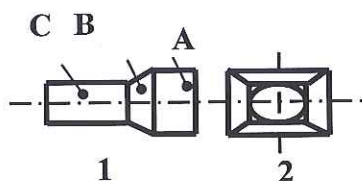
Câu 15. Tính theo mm, khổ giấy A2 có kích thước là

- A. 297×210 . B. 297×420 . C. 594×841 . D. 594×420 .

Câu 16. Diện tích khổ giấy A0 gấp mấy lần diện tích khổ giấy A3?

- A. 16 lần. B. 4 lần. C. 2 lần. D. 8 lần.

Câu 17. Cho hình 1, 2 em hãy xác định: Hình 1,2 là hình chiếu gì?



- A. Hình 1 là hình chiếu bằng, hình 2 là hình chiếu cạnh.
B. Hình 1 là hình chiếu đứng, hình 2 là hình chiếu cạnh.
C. Hình 1 là hình chiếu bằng, hình 2 là hình chiếu đứng.
D. Hình 1 là hình chiếu cạnh, hình 2 là hình chiếu đứng.

Câu 18. Phần tổng hợp trong trình tự đọc bản vẽ lắp gồm những nội dung nào?

- A. Tên sản phẩm, tỉ lệ bản vẽ, nơi thiết kế.
B. Tên gọi các chi tiết, số lượng, vật liệu.
C. Trình tự tháo, lắp chi tiết.
D. Các hình chiếu, hình cắt.

Câu 19. Vật liệu phi kim loại là

- A. chất dẻo, cao su, gốm, thủy tinh. B. gang, cao su, gốm, sứ.
C. thép, chất dẻo, nhôm. D. chất dẻo, thủy tinh, sắt.

Câu 20. Trong quy trình đọc bản vẽ chi tiết, khi đọc phần yêu cầu kỹ thuật cần đọc nội dung nào?

- A. Kích thước các bộ phận. B. Yêu cầu về gia công, xử lý bề mặt.
C. Tên gọi các hình chiếu. D. Tên gọi chi tiết, vật liệu chế tạo.

Câu 21. Bản vẽ lắp không có nội dung nào sau đây?

- A. Yêu cầu kỹ thuật. B. Khung tên. C. Kích thước. D. Hình biểu diễn.

Câu 22. Phương án nào sau đây chỉ ra vai trò của bản vẽ lắp trong quá trình thiết kế và sản xuất?

- A. Thực hiện kiểm tra chất lượng của từng chi tiết trong sản phẩm.
B. Mô phỏng quá trình vận hành của sản phẩm sau khi hoàn thiện.
C. Tổ chức quá trình lắp ráp, kiểm tra và sử dụng sản phẩm.
D. Chỉ định vị trí các chi tiết trong không gian 3D của sản phẩm

Câu 23. Thép có tỉ lệ cacbon là:

- A. $< 2,14\%$. B. $> 2,14\%$. C. $\geq 2,14\%$. D. $\leq 2,14\%$.

Câu 24. Tỉ lệ thu nhỏ là tỉ lệ:

- A. 5 : 1. B. 1 : 2. C. 10 : 1. D. 1 : 1.

B. Trắc nghiệm đúng, sai (1 điểm): Trong mỗi ý A,B,C,D học sinh chọn “Đúng” hoặc “Sai” và viết lại vào giấy kiểm tra.

Câu 25. Trên bản vẽ kỹ thuật:

- A. trên bản vẽ kỹ thuật, các kích thước được biểu diễn bằng đơn vị cm (xăng – ti – mét).
- B. mặt phẳng hình chiếu đứng là mặt phẳng nằm ngang.
- C. hình chiếu bằng nằm ở dưới hình chiếu đứng.
- D. tỉ lệ giữ nguyên là 1:1.

Phần II: Tự luận (3 điểm):

Câu 1(2 điểm): Em hãy trình bày đặc điểm và ứng dụng của vật liệu thép, gang, đồng và hợp kim của đồng?

Câu 2(1 điểm): Em hãy nêu trình tự đọc và nội dung cần hiểu của bản vẽ nhà?

-- Hết --

Mã đề: 804

Phần I: Trắc nghiệm (7 điểm):

A. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (6 điểm):

Viết lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra: (mỗi câu hỏi chỉ chọn một đáp án)

Câu 1. Khi đọc bản vẽ nhà, sau khi đọc nội dung ghi trong khung tên ta cần làm gì ở bước tiếp theo?

- A. Phân tích kích thước của ngôi nhà. B. Xác định các bộ phận của ngôi nhà.
C. Xác định kích thước của ngôi nhà. D. Phân tích hình biểu diễn.

Câu 2. Đầu không phải tính chất của kim loại màu?

- A. Dẫn điện tốt. B. Cách nhiệt tốt.
C. Dễ kéo dài, dễ dát mỏng. D. Có tính chống mài mòn.

Câu 3. Hình nào biểu diễn các bộ phận và kích thước của ngôi nhà theo chiều cao?

- A. Mặt cắt. B. Mặt bằng.
C. Mặt nào cũng biểu diễn. D. Mặt đứng.

Câu 4. Trình tự đọc bản vẽ lắp là:

- A. khung tên → bảng kê → hình biểu diễn → kích thước → phân tích chi tiết → tổng hợp.
B. khung tên → kích thước → bảng kê → hình biểu diễn → phân tích chi tiết → tổng hợp.
C. khung tên → bảng kê → kích thước → hình biểu diễn → phân tích chi tiết → tổng hợp.
D. hình biểu diễn → khung tên → bảng kê → kích thước → phân tích chi tiết → tổng hợp.

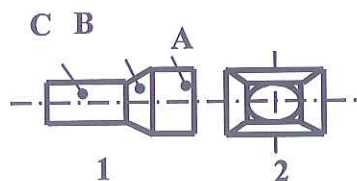
Câu 5. Bản vẽ lắp không có nội dung nào sau đây?

- A. Yêu cầu kỹ thuật. B. Kích thước. C. Khung tên. D. Hình biểu diễn.

Câu 6. Vật liệu thường được làm dây dẫn điện là:

- A. đồng, thép, gang. B. nhôm, đồng. C. inox, nhôm, gang. D. thép, gang, nhôm.

Câu 7. Cho hình 1, 2 em hãy xác định: Hình 1, 2 là hình chiếu gì?



- A. Hình 1 là hình chiếu bằng, hình 2 là hình chiếu đứng.
B. Hình 1 là hình chiếu cạnh, hình 2 là hình chiếu đứng.
C. Hình 1 là hình chiếu đứng, hình 2 là hình chiếu cạnh.
D. Hình 1 là hình chiếu bằng, hình 2 là hình chiếu cạnh.

Câu 8. Thép có tỉ lệ cacbon là:

- A. $> 2,14\%$. B. $< 2,14\%$. C. $\geq 2,14\%$. D. $\leq 2,14\%$.

Câu 9. Tính theo mm, khổ giấy A2 có kích thước là

- A. 594×841 . B. 297×210 . C. 297×420 . D. 594×420 .

Câu 10. Trong quy trình đọc bản vẽ chi tiết, khi đọc phần yêu cầu kỹ thuật cần đọc nội dung nào?

- A. Kích thước các bộ phận.
- B. Tên gọi chi tiết, vật liệu chế tạo.
- C. Yêu cầu về gia công, xử lý bề mặt.
- D. Tên gọi các hình chiếu.

Câu 11. Tỷ lệ thu nhỏ là tỷ lệ:

- A. 1 : 1.
- B. 5 : 1.
- C. 10 : 1.
- D. 1 : 2.

Câu 12. Diện tích khổ giấy A0 gấp mấy lần diện tích khổ giấy A3?

- A. 2 lần.
- B. 4 lần.
- C. 16 lần.
- D. 8 lần.

Câu 13. Vật liệu nào làm từ kim loại?

- A. Khung xe đạp.
- B. Vỏ bút bi.
- C. Thước nhựa.
- D. Áo mưa.

Câu 14. Đường gióng và đường kích thước được biểu diễn như thế nào?

- A. Trùng nhau.
- B. Vuông góc nhau.
- C. Chéo nhau.
- D. Song song nhau.

Câu 15. Phương án nào sau đây chỉ ra vai trò của bản vẽ lắp trong quá trình thiết kế và sản xuất?

- A. Tổ chức quá trình lắp ráp, kiểm tra và sử dụng sản phẩm.
- B. Mô phỏng quá trình vận hành của sản phẩm sau khi hoàn thiện.
- C. Chỉ định vị trí các chi tiết trong không gian 3D của sản phẩm
- D. Thực hiện kiểm tra chất lượng của từng chi tiết trong sản phẩm.

Câu 16. Phần nào trong bản vẽ thể hiện đầy đủ hình dạng của chi tiết?

- A. Khung tên.
- B. Kích thước.
- C. Hình biểu diễn.
- D. Yêu cầu kỹ thuật.

Câu 17. Vật liệu phi kim loại là

- A. chất dẻo, cao su, gốm, thủy tinh.
- B. thép, chất dẻo, nhôm.
- C. chất dẻo, thủy tinh, sắt.
- D. gang, cao su, gốm, sứ.

Câu 18. Để phân biệt được gang và thép thì cần dựa vào yếu tố nào?

- A. Tỷ lệ đồng.
- B. Tỷ lệ carbon.
- C. Tỷ lệ nhôm.
- D. Tỷ lệ kẽm.

Câu 19. Trong các kim loại dưới đây, kim loại nào là kim loại đen?

- A. Kẽm.
- B. Gang.
- C. Đồng.
- D. Nhôm.

Câu 20. Tên gọi các hình biểu diễn của bản vẽ nhà?

- A. Hình chính diện, hình chiếu ngang, hình chiếu cạnh.
- B. Mặt chính diện, mặt thẳng vuông góc, mặt cắt.
- C. Mặt đứng, mặt bằng, mặt cắt.
- D. Hình chiếu đứng, hình chiếu bằng, hình chiếu cạnh.

Câu 21. Bản vẽ chi tiết thuộc loại nào?

- A. Bản vẽ nhà
- B. Bản vẽ xây dựng.
- C. Bản vẽ lắp.
- D. Bản vẽ cơ khí.

Câu 22. Vật liệu kim loại gồm:

- A. đồng, nhôm, chất dẻo, cao su.
- B. cao su, chất dẻo nhiệt rắn, đồng.
- C. thép, gang, cao su, chất dẻo.
- D. thép, gang, đồng, nhôm.

Câu 23. Phần tổng hợp trong trình tự đọc bản vẽ lắp gồm những nội dung nào?

- A. Tên sản phẩm, tỷ lệ bản vẽ, nơi thiết kế.
- B. Các hình chiếu, hình cắt.
- C. Tên gọi các chi tiết, số lượng, vật liệu.
- D. Trình tự tháo, lắp chi tiết.

Câu 24. Tìm hiểu số lượng, vật liệu của một chi tiết trong bản vẽ lắp ở đâu?

- A. Bảng kê.
- B. Khung tên.
- C. Phân tích chi tiết.
- D. Tổng hợp.

B. Trắc nghiệm đúng, sai (1 điểm): Trong mỗi ý A,B,C,D học sinh chọn “Đúng” hoặc “Sai” và viết lại vào giấy kiểm tra.

Câu 25. Các nét vẽ trong bản vẽ kỹ thuật:

- A. nét liền mảnh biểu diễn đường tâm, đường trục.
- B. nét đứt mảnh biểu diễn đường kích thước, đường gióng.
- C. nét liền đậm dùng để biểu diễn đường bao thấy, cạnh thấy.
- D. nét gạch dài - chấm - mảnh biểu diễn đường bao khuất, cạnh khuất.

Phần II: Tự luận (3 điểm):

Câu 1(2 điểm): Em hãy trình bày đặc điểm và ứng dụng của vật liệu chất dẻo nhiệt, chất dẻo nhiệt rắn và cao su?

Câu 2(1 điểm): Em hãy nêu trình tự đọc và nội dung cần hiểu của bản vẽ lắp?

-- Hết --